

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về việc thực hiện chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, kỳ họp thứ 2 về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 221/TTr-SCT ngày 8 tháng 3 năm 2017 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 65/BCTĐ-STP ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Sở Tư pháp).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thực hiện Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2017; thay thế Quyết định số 2409/2006/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp

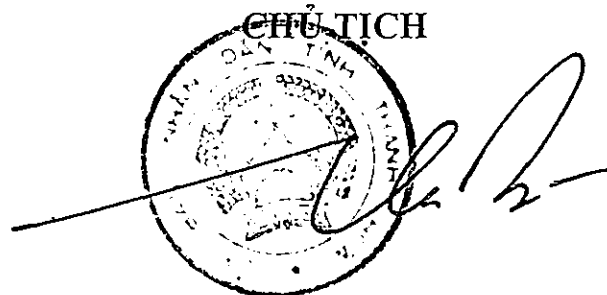
và ngành nghề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2541/2008/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi Quyết định 2409/2006/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2006 của UBND tỉnh; Quyết định số 4670/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Các Bộ: Công Thương, Tư pháp (để b/c);
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Thanh Hóa (để b/c);
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, CN, Cổng TTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

## QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện chính sách khuyến khích  
phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại  
tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND  
ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 832/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phương thức thực hiện; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, Mục I, Điều 1; Điểm 1.1, Khoản 1 và Điểm 2.1, Khoản 2, Mục II, Điều 1; Khoản 1, Mục III, Điều 1; Khoản 1, Mục IV, Điều 1 trong Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND.

### Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 3. Phương thức thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp

##### 1. Quy trình thực hiện

a) Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm, Sở Công Thương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, gửi Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán chi ngân sách hàng năm.

b) Căn cứ quy định về đối tượng, điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND, Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ, tổ chức thẩm định, gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cho từng đối tượng, cụ thể như sau:

- Sở Công Thương có văn bản thông báo đến tất cả các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ của chính sách. Căn cứ thông báo của Sở Công Thương, các đối tượng có văn bản đề nghị Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ, hoặc căn cứ Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND các đối tượng được hỗ trợ chủ động có văn bản đề nghị Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ.

- Căn cứ văn bản đề nghị xây dựng hồ sơ hỗ trợ của đối tượng hỗ trợ, Sở Công Thương có văn bản gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đề nghị cung cấp tài liệu theo quy định tại Khoản 2, Điều này.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Công Thương các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp tài liệu đầy đủ theo yêu cầu của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi tập hợp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định điều kiện và xác định khối lượng, có văn bản gửi Sở Tài chính (kèm theo hồ sơ).

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Công Thương, Sở Tài chính căn cứ định mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ. Trường hợp không được hỗ trợ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo về việc không hỗ trợ cho đối tượng theo quy định (bằng văn bản) gửi Sở Công Thương và Sở Tài chính để Sở Công Thương thông báo cho đối tượng được hỗ trợ và các đơn vị liên quan.

c) Căn cứ quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính tổ chức chi trả trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng, cụ thể:

- Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí về tài khoản của đối tượng được hỗ trợ đã đăng ký.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ vẫn chưa nhận được tiền hỗ trợ, có văn bản phản ánh gửi về Sở Tài chính để xem xét, giải quyết.

## 2. Hồ sơ hỗ trợ

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối có trách nhiệm xây dựng hồ sơ hỗ trợ, thành phần gồm:

TT	Tài liệu	Yêu cầu	Số lượng	Đơn vị cung cấp
1	Văn bản đề nghị Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ	Bản gốc	03 bản	Chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN
2	Quyết định chủ trương đầu tư	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Sở Công Thương
3	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư + Dự án đầu tư	Bản gốc	03 bản	Chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN
4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của dự án đầu tư	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Ủy ban nhân dân cấp huyện
5	Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển CCN tỉnh Thanh Hóa	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Sở Công Thương
6	Văn bản xác nhận CCN đã đạt tỷ lệ lấp đầy tối thiểu 30%	Bản gốc	03 bản	Ủy ban nhân dân cấp huyện

**Điều 4. Phương thức thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút lao động vào các huyện miền núi.**

### 1. Quy trình thực hiện

Thực hiện theo quy trình tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này.

### 2. Hồ sơ hỗ trợ

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối có trách nhiệm xây dựng hồ sơ hỗ trợ, thành phần gồm:

TT	Tài liệu	Yêu cầu	Số lượng	Đơn vị cung cấp
1	Văn bản đề nghị Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ	Bản gốc	03 bản	Chủ đầu tư
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đôi với hợp tác xã)

3	Danh sách lao động đã ký hợp đồng không xác định thời hạn với Chủ đầu tư (thể hiện rõ số, ngày, tháng ký hợp đồng)	Bản gốc	03 bản	Chủ đầu tư
4	Danh sách lao động đóng Bảo hiểm xã hội tại đơn vị từ 12 tháng trở lên, có xác nhận của bảo hiểm xã hội huyện	Bản gốc	03 bản	Chủ đầu tư

**Điều 5. Phương thức thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào các huyện miền núi**

1. Quy trình thực hiện: Thực hiện theo quy trình tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này.

**2. Hồ sơ hỗ trợ**

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối có trách nhiệm xây dựng hồ sơ hỗ trợ, thành phần gồm:

TT	Tài liệu	Yêu cầu	Số lượng	Đơn vị cung cấp
1	Văn bản đề nghị Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ	Bản gốc	03 bản	Chủ đầu tư
2	Hồ sơ dự án đầu tư	Bản gốc	03 bộ	Chủ đầu tư
3	Quyết định chủ trương đầu tư	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	- Sở Kế hoạch và đầu tư: Đối với dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. - Ủy ban nhân dân cấp huyện: Đối với dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định
4	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Bản gốc	03 bản	Chủ đầu tư
5	Hợp đồng thuê đất	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Văn bản của Ủy ban nhân dân huyện xác nhận đã hoàn thành san lấp mặt bằng	Bản gốc	03 bản	Ủy ban nhân dân cấp huyện

## **Điều 6. Phương thức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp**

### **1. Quy trình thực hiện**

a) Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, gửi Sở Công Thương để tổng hợp lập dự toán kinh phí cho toàn bộ chính sách, gửi Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán chi ngân sách hàng năm.

b) Căn cứ quy định về đối tượng, điều kiện hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng hồ sơ hỗ trợ, tổ chức thẩm định, gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cho từng đối tượng, cụ thể như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo đến các đối tượng hỗ trợ về việc thực hiện chính sách. Căn cứ thông báo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đối tượng có văn bản đề nghị xây dựng hồ sơ hỗ trợ, hoặc căn cứ Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND các đối tượng hỗ trợ có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng hồ sơ hỗ trợ.

- Căn cứ văn bản đề nghị xây dựng hồ sơ hỗ trợ của đối tượng hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đề nghị cung cấp tài liệu theo quy định tại Khoản 2, Điều này.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp tài liệu đầy đủ, theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc, kể từ khi tập hợp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định điều kiện và xác định khối lượng, có văn bản gửi Sở Tài chính (kèm theo hồ sơ).

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài chính căn cứ định mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ. Trường hợp không được hỗ trợ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo về việc không hỗ trợ cho đối tượng theo quy định (bằng văn bản) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài chính để Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho đối tượng được hỗ trợ và các đơn vị liên quan.

c) Căn cứ quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức chi trả trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng, cụ thể:

- Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung có mục tiêu của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo bổ sung có mục tiêu của Sở Tài chính chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng qua tài khoản đối tượng thụ hưởng đăng ký.

- Trong thời hạn 15 (muội) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức, các nhân được hỗ trợ vẫn chưa nhận được tiền hỗ trợ, có văn bản phản ánh gửi về Sở Tài chính để xem xét, giải quyết.

## 2. Hồ sơ hỗ trợ

Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan đầu mối có trách nhiệm xây dựng hồ sơ hỗ trợ, thành phần gồm:

TT	Tài liệu	Yêu cầu	Số lượng	Đơn vị cung cấp
1	Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng hồ sơ hỗ trợ	Bản gốc	03 bản	Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ
2	Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận các tổ chức, cá nhân đã khôi phục được làng nghề truyền thống hoặc du nhập nghề mới để tạo thành được làng nghề.	Bản gốc	03 bản	Ủy ban nhân dân cấp xã
3	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về công nhận làng nghề hoặc làng nghề truyền thống.	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**Điều 7. Phương thức thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê đất đầu tư chợ**

### 1. Quy trình thực hiện

a) Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm, Sở Công Thương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, gửi Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán chi ngân sách hàng năm.

b) Căn cứ quy định về đối tượng, điều kiện hỗ trợ, Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ, tổ chức thẩm định, gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cho từng đối tượng, cụ thể như sau:



- Sở Công Thương có văn bản thông báo đến các đối tượng hỗ trợ về việc thực hiện chính sách. Căn cứ thông báo của Sở Công Thương, các đối tượng có văn bản đề nghị Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ, hoặc căn cứ Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND các đối tượng hỗ trợ có văn bản đề nghị Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ.

- Căn cứ văn bản đề nghị xây dựng hồ sơ hỗ trợ của đối tượng hỗ trợ, Sở Công Thương có văn bản gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đề nghị cung cấp tài liệu theo quy định tại Khoản 2, Điều này.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Công Thương các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp tài liệu đầy đủ theo yêu cầu của Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi tập hợp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định điều kiện và xác định khối lượng, có văn bản gửi Sở Tài chính (kèm theo hồ sơ).

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Công Thương, Sở Tài chính căn cứ định mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ. Trường hợp không được hỗ trợ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo (bằng văn bản) gửi Sở Công Thương và Sở Tài chính nêu rõ lý do để Sở Công Thương thông báo cho đối tượng được hỗ trợ và các đơn vị liên quan.

c) Căn cứ quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa thực hiện thủ tục theo quy định.

## 2. Hồ sơ hỗ trợ

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối có trách nhiệm xây dựng hồ sơ hỗ trợ, thành phần gồm:

TT	Tài liệu	Yêu cầu	Số lượng	Đơn vị cung cấp
1	Văn bản đề nghị Sở Công Thương xây dựng hồ sơ hỗ trợ	Bản gốc	03 bản	Chủ đầu tư
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với hợp tác xã)
3	Quyết định cho thuê đất hoặc hợp đồng thuê đất	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Sở Tài nguyên và Môi trường

4	Bản sao hợp lệ thông báo nộp tiền thuê đất	Bản sao có dấu xác nhận của đơn vị cung cấp	03 bản	Cục Thuế tỉnh
---	--------------------------------------------	---------------------------------------------	--------	---------------

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Trách nhiệm của Sở Công Thương**

1. Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện chính sách theo Quy định này và Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND.

2. Chủ trì xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển tiêu thủ công nghiệp.

3. Chủ trì lập hồ sơ và thực hiện các trình tự hỗ trợ được giao tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 7 Quy định này.

4. Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo Quy định này.

5. Theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Thực hiện các trình tự hỗ trợ được giao tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này.

2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí thực hiện Chính sách trong dự toán ngân sách hàng năm.

3. Quyết toán nguồn kinh phí thực hiện Chính sách hàng năm.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan**

1. Các sở, ngành liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện chính sách.

2. Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo Quy định này.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu do đơn vị mình cung cấp.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chủ trì lập hồ sơ và thực hiện các trình tự hỗ trợ được giao tại Điều 6 Quy định này.

2. Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo Quy định này.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu do đơn vị mình cung cấp.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn quản lý theo quy định, báo cáo kết quả về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo Quy định này.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu do đơn vị mình cung cấp.

**Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách**

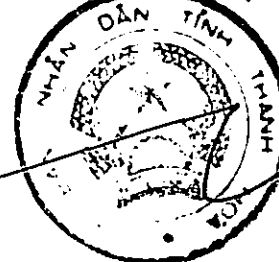
1. Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo Quy định này.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác của các tài liệu do đơn vị mình cung cấp.

**Điều 14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh:** Phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương và các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động các đoàn viên, hội viên tham gia tích cực và triển khai có hiệu quả các nội dung chính sách.

**Điều 15.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc cần bổ sung, sửa đổi, các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng